

## Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

### **Hoạch định Tài chính Tương lai – Định hướng Gia tăng**

Hoạch định Tài chính Tương lai – Định hướng Gia tăng là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế khi Quý khách vừa muốn tập trung vào tích lũy Giá trị Tài khoản tối đa, vừa muốn gia tăng giá trị bảo vệ cho bản thân và gia đình.

Sản phẩm phù hợp cho:

- Quý khách muốn tối đa hóa Giá trị Tài khoản Hợp đồng do không bị trừ phí ban đầu khi đóng phí.
- Quý khách muốn có Quyền lợi duy trì hợp đồng đặc biệt.
- Quý khách muốn tùy chọn các Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng ưu việt theo nhu cầu riêng.
- Quý khách muốn bảo vệ cho bản thân và cả người thân yêu trong cùng một Hợp đồng Bảo hiểm.

**Bên mua Bảo hiểm (BMBH) :** NGUYỄN VĂN A

Tuổi : 30

Giới tính : NAM

Tài liệu soạn thảo và trình bày bởi Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) :


Điện thoại liên lạc :


Mã số ĐDKD :


Văn phòng ĐDKD :

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khoẻ theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ gần 1.324 tỷ đồng.

Trụ sở chính: Tầng 21 Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

 (84-28) 3827 8989

 (84-28) 3827 8123

 (84-28) 3821 9000

 [chubblife.vietnam@chubb.com](mailto:chubblife.vietnam@chubb.com)

 <http://life.chubb.com/vn>

**I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM (NDBH)**

NDBH	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
1	NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1988	30	2

**II. THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) THAM GIA**

STT	Hoạch định Tài chính Tương lai – Định hướng Gia tăng	NDBH	Điều kiện BH	Mệnh giá BH (đồng)	Tuổi đáo hạn NDBH	Phí BH cơ bản (đồng) (*)
1	QLBH Cơ bản	1	S/S	1.000.000.000	99	16.000.000
2	QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng	1	S/S	1.000.000.000	65	3.300.000
3	QLBH thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	1	S/S	1.000.000.000	65	3.400.000
4	QLBH hỗ trợ nằm viện mở rộng	1	S/S	200.000	65	434.000
5	QLBH theo mức độ cho bệnh nan y	1	S/S	1.000.000.000	75	13.900.000

**Tổng cộng: 37.034.000**

**Phí BH cơ bản (\*):** 37.034.000 đồng

**Phí BH dự kiến đóng năm đầu:** 37.034.000 đồng

**Phí BH dự kiến đóng theo kỳ (\*):** 37.034.000 đồng

**Theo Định kỳ đóng phí:** Năm

**TUỔI CHUYỂN ĐỔI QLBH CƠ BẢN LỰA CHỌN: 55**

*Lưu ý: Trường hợp Quý khách không lựa chọn tuổi chuyển đổi QLBH Cơ bản thì vào Ngày đáo niên ngay sau khi NDBH 1 đạt 55 tuổi, QLBH Cơ bản Định hướng Gia tăng sẽ tự động chuyển thành QLBH Cơ bản Định hướng Bền vững với Mệnh giá BH mới bằng Mệnh giá BH cộng với GTTKHD, tại ngày chuyển đổi.*

### III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

#### **Lưu ý cho phần minh họa về phí bảo hiểm, phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư:**

- Mục đích của phần minh họa về phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư dưới đây nhằm giúp Quý khách hiểu được Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) thay đổi như thế nào với các lãi suất giả định 8%, 6% và chỉ có tính chất minh họa.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán theo Điều kiện Bảo hiểm nêu ở trang 2, trong đó S/S là điều kiện chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.
- Số lần rút tiền mặt và số tiền rút ra có thể làm thay đổi QLBH Cơ bản, Quyền lợi duy trì hợp đồng, kế hoạch đóng phí và lãi phát sinh cho GTTKHD. Khi nhu cầu bảo hiểm thay đổi, BMBH có thể yêu cầu tăng/giảm Mệnh giá BH trong tương lai.
- QLBH Cơ bản là quyền lợi bảo hiểm chính của HĐBH và là QLBH khi NĐBH 1 tử vong. Trong trường hợp NĐBH 1 nhỏ hơn 4 tuổi, QLBH Cơ bản sẽ được điều chỉnh giới hạn theo tuổi NĐBH được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH. Mệnh giá BH của quyền lợi này có thể điều chỉnh theo yêu cầu của BMBH trong suốt thời gian hiệu lực của HĐBH.
- Tổng QL Bảo hiểm tham gia là tổng Mệnh giá BH của QLBH Cơ bản và các QLBH Gia tăng mà BMBH tham gia. Tổng Mệnh giá BH của các QLBH Gia tăng bao gồm Mệnh giá BH của QLBH thương tật toàn bộ và vĩnh viễn; QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng và QLBH theo mức độ cho bệnh nan y. Tổng Mệnh giá BH của các QLBH Gia tăng không bao gồm Mệnh giá BH của QLBH hỗ trợ nằm viện mở rộng.
- GT Tài khoản nêu trong Bảng minh họa đã bao gồm Quyền lợi duy trì hợp đồng (nếu có). Quyền lợi duy trì hợp đồng sẽ phát sinh và cộng vào GT Tài khoản vào Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ mười, Năm hợp đồng thứ hai mươi nếu hợp đồng thỏa điều kiện được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.
- Các giá trị trong Bảng minh họa với lãi suất đảm bảo được đảm bảo. Lãi suất đảm bảo là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHD, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung. Lãi suất đảm bảo cam kết được áp dụng là 4%/năm trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên, 3%/năm từ Năm hợp đồng thứ sáu đến Năm hợp đồng thứ mười, 2%/năm từ Năm hợp đồng thứ mười một đến Năm hợp đồng thứ mười lăm và 1,5%/năm trong những Năm hợp đồng còn lại.
- Trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên, HĐBH sẽ chấm dứt Hiệu lực khi tổng các khoản phí bảo hiểm thực đóng nhỏ hơn tổng Phí BH cơ bản tính từ Ngày hiệu lực HĐBH đến Ngày Khấu trừ hàng tháng. Từ Năm hợp đồng thứ sáu trở đi, HĐBH sẽ chấm dứt Hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn hoặc bằng “Không” đồng.

**BẢNG MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ****MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HD (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Tử vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
1	31	37.034	37.034	6.341	33.385	-	1.033.385	4.000.000	-
2	32	37.034	37.034	7.134	68.629	-	1.068.629	4.000.000	-
3	33	37.034	37.034	7.809	105.974	-	1.105.974	4.000.000	-
4	34	37.034	37.034	8.486	145.600	-	1.145.600	4.000.000	-
5	35	37.034	37.034	9.275	187.575	-	1.187.575	4.000.000	-
6	36	37.034	37.034	10.129	232.066	46.413	1.232.066	4.000.000	-
7	37	37.034	37.034	11.141	279.013	111.605	1.279.013	4.000.000	-
8	38	37.034	37.034	12.233	328.576	197.146	1.328.576	4.000.000	-
9	39	37.034	37.034	13.328	380.963	304.770	1.380.963	4.000.000	-
10	40	37.034	37.034	14.542	462.379	416.141	1.462.379	4.000.000	-
11	41	37.034	37.034	16.122	522.558	504.269	1.522.558	4.000.000	-
12	42	37.034	37.034	17.467	586.149	565.634	1.586.149	4.000.000	-
13	43	37.034	37.034	19.036	653.191	630.330	1.653.191	4.000.000	-
14	44	37.034	37.034	20.846	723.863	698.527	1.723.863	4.000.000	-
15	45	37.034	37.034	22.704	798.098	770.164	1.798.098	4.000.000	-
16	46	37.034	37.034	24.606	876.288	845.618	1.876.288	4.000.000	-
17	47	37.034	37.034	26.712	958.539	924.990	1.958.539	4.000.000	-
18	48	37.034	37.034	28.786	1.045.428	1.008.838	2.045.428	4.000.000	-
19	49	37.034	37.034	31.179	1.136.552	1.096.773	2.136.552	4.000.000	-
20	50	37.034	37.034	33.651	1.382.661	1.334.268	2.382.661	4.000.000	-
25	55	-	-	29.156	1.883.490	1.817.568	2.883.490	5.883.490	-

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
30	60	-	-	37.063	2.559.054	2.469.487	2.883.490	5.883.490	-
35	65	-	-	49.025	3.510.130	3.387.276	3.510.130	5.883.490	-
36	66	-	-	45.099	3.743.915	3.612.878	3.743.915	3.883.490	-
37	67	-	-	54.922	3.986.159	3.846.643	3.986.159	3.883.490	-
38	68	-	-	65.565	4.237.578	4.089.263	4.237.578	3.883.490	-
40	70	-	-	92.309	4.759.051	4.592.484	4.759.051	3.883.490	-
45	75	-	-	153.726	6.198.693	5.981.739	6.198.693	3.883.490	-
46	76	-	-	1.200	6.694.749	6.460.433	6.694.749	2.883.490	-
50	80	-	-	1.200	9.104.413	8.785.759	9.104.413	2.883.490	-
55	85	-	-	1.200	13.372.849	12.904.799	13.372.849	2.883.490	-
60	90	-	-	1.200	19.645.904	18.958.297	19.645.904	2.883.490	-
65	95	-	-	1.200	28.865.024	27.854.748	28.865.024	2.883.490	-
69	99	-	-	1.200	39.273.189	37.898.627	39.273.189	2.883.490	-

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
--------	-------------	---------------------	--	---------------------------------	--------------	-----------------	--------------------------	---------------------------	--------------

**CHI TIẾT QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG:**

Năm HĐ thứ mười:	26.012.400 đồng
Năm HĐ thứ hai mươi:	150.271.600 đồng

**TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:**

Tổng số năm đóng phí:	20 năm	Tổng số phí đóng:	740.680.000 đồng
Tổng số lần rút tiền mặt:	-	Tổng số tiền mặt rút ra:	-
Số tiền nhận khi đáo hạn:	39.273.189.000 đồng		

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/Năm**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
1	31	37.034	37.034	6.338	32.715	-	1.032.715	4.000.000	-
2	32	37.034	37.034	7.118	66.598	-	1.066.598	4.000.000	-
3	33	37.034	37.034	7.773	101.827	-	1.101.827	4.000.000	-
4	34	37.034	37.034	8.420	138.502	-	1.138.502	4.000.000	-
5	35	37.034	37.034	9.169	176.605	-	1.176.605	4.000.000	-
6	36	37.034	37.034	9.970	216.202	43.240	1.216.202	4.000.000	-
7	37	37.034	37.034	10.918	257.162	102.865	1.257.162	4.000.000	-
8	38	37.034	37.034	11.932	299.533	179.720	1.299.533	4.000.000	-
9	39	37.034	37.034	12.933	343.413	274.730	1.343.413	4.000.000	-
10	40	37.034	37.034	14.038	413.004	371.703	1.413.004	4.000.000	-
11	41	37.034	37.034	15.463	461.081	444.943	1.461.081	4.000.000	-
12	42	37.034	37.034	16.653	510.814	492.936	1.510.814	4.000.000	-
13	43	37.034	37.034	18.046	562.094	542.421	1.562.094	4.000.000	-
14	44	37.034	37.034	19.656	614.888	593.367	1.614.888	4.000.000	-
15	45	37.034	37.034	21.287	669.068	645.650	1.669.068	4.000.000	-
16	46	37.034	37.034	22.936	724.796	699.428	1.724.796	4.000.000	-
17	47	37.034	37.034	24.758	781.988	754.619	1.781.988	4.000.000	-
18	48	37.034	37.034	26.516	840.932	811.499	1.840.932	4.000.000	-
19	49	37.034	37.034	28.557	901.171	869.630	1.901.171	4.000.000	-
20	50	37.034	37.034	30.640	1.087.923	1.049.846	2.087.923	4.000.000	-
25	55	-	-	29.156	1.314.412	1.268.407	2.314.412	5.314.412	-
30	60	-	-	42.412	1.545.841	1.491.736	2.314.412	5.314.412	-

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/Năm**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
35	65	-	-	61.298	1.768.547	1.706.647	2.314.412	5.314.412	-
36	66	-	-	57.622	1.815.180	1.751.649	2.314.412	3.314.412	-
37	67	-	-	67.627	1.854.285	1.789.385	2.314.412	3.314.412	-
38	68	-	-	78.577	1.884.737	1.818.771	2.314.412	3.314.412	-
40	70	-	-	106.745	1.907.800	1.841.027	2.314.412	3.314.412	-
45	75	-	-	188.137	1.659.733	1.601.642	2.314.412	3.314.412	-
46	76	-	-	40.370	1.717.906	1.657.779	2.314.412	2.314.412	-
50	80	-	-	33.508	1.999.354	1.929.377	2.314.412	2.314.412	-
55	85	-	-	1.200	2.601.631	2.510.574	2.601.631	2.314.412	-
60	90	-	-	1.200	3.475.142	3.353.512	3.475.142	2.314.412	-
65	95	-	-	1.200	4.644.285	4.481.735	4.644.285	2.314.412	-
69	99	-	-	1.200	5.858.820	5.653.761	5.858.820	2.314.412	-

**CHI TIẾT QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG:**

Năm HĐ thứ mười: 24.155.800 đồng

Năm HĐ thứ hai mươi: 125.049.200 đồng

**TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:**

Tổng số năm đóng phí: 20 năm      Tổng số phí đóng: 740.680.000 đồng

Tổng số lần rút tiền mặt: -      Tổng số tiền mặt rút ra: -

Số tiền nhận khi đáo hạn: 5.858.820.000 đồng



**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ĐẢM BẢO**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
1	31	37.034	37.034	6.334	32.046	-	1.032.046	4.000.000	-
2	32	37.034	37.034	7.103	64.594	-	1.064.594	4.000.000	-
3	33	37.034	37.034	7.738	97.790	-	1.097.790	4.000.000	-
4	34	37.034	37.034	8.356	131.681	-	1.131.681	4.000.000	-
5	35	37.034	37.034	9.067	166.201	-	1.166.201	4.000.000	-
6	36	37.034	37.034	9.810	199.380	39.876	1.199.380	4.000.000	-
7	37	37.034	37.034	10.674	232.660	93.064	1.232.660	4.000.000	-
8	38	37.034	37.034	11.589	266.010	159.606	1.266.010	4.000.000	-
9	39	37.034	37.034	12.474	299.460	239.568	1.299.460	4.000.000	-
10	40	37.034	37.034	13.445	355.034	319.531	1.355.034	4.000.000	-
11	41	37.034	37.034	14.669	385.083	371.605	1.385.083	4.000.000	-
12	42	37.034	37.034	15.632	414.759	400.243	1.414.759	4.000.000	-
13	43	37.034	37.034	16.772	443.877	428.341	1.443.877	4.000.000	-
14	44	37.034	37.034	18.104	472.256	455.727	1.472.256	4.000.000	-
15	45	37.034	37.034	19.430	499.837	482.342	1.499.837	4.000.000	-
16	46	37.034	37.034	20.732	524.024	505.683	1.524.024	4.000.000	-
17	47	37.034	37.034	22.161	547.133	527.984	1.547.133	4.000.000	-
18	48	37.034	37.034	23.496	569.267	549.342	1.569.267	4.000.000	-
19	49	37.034	37.034	25.081	590.111	569.457	1.590.111	4.000.000	-
20	50	37.034	37.034	26.676	701.626	677.069	1.701.626	4.000.000	-
25	55	-	-	29.156	628.450	606.454	1.628.450	4.628.450	-
30	60	-	-	47.130	473.243	456.680	1.628.450	4.628.450	-

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ĐẢM BẢO**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
35	65	-	-	79.435	179.838	173.544	1.628.450	4.628.450	-
36	66	-	-	80.527	101.360	97.812	1.628.450	2.628.450	-
37	67	-	-	96.367	5.736	5.536	1.628.450	2.628.450	-
38	68	<i>Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn 0 đồng</i>							

**CHI TIẾT QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG:**

Năm HĐ thứ mười:	22.080.700 đồng
Năm HĐ thứ hai mươi:	91.965.600 đồng

**Bằng việc ký tên dưới đây, tôi/chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, cũng như đã được Đại diện Kinh doanh ký tên dưới đây tư vấn.**

- ✓ Hiểu rõ tính chất sản phẩm Hoạch định Tài chính Tương lai – Định hướng Gia tăng cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Nhận thức rõ Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư khi tham gia sản phẩm Hoạch định Tài chính Tương lai – Định hướng Gia tăng.
- ✓ Ý thức rằng việc tham gia sản phẩm Hoạch định Tài chính Tương lai là một cam kết dài hạn và việc từ bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Bên mua Bảo hiểm phải trả rất cao trong thời gian đầu. **Nếu Hợp đồng Bảo hiểm bị chấm dứt trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên thì sẽ không có Giá trị Hoàn lại.**
- ✓ Giá trị Tài khoản Hợp đồng có thể giảm nhanh chóng và dẫn đến Hợp đồng Bảo hiểm bị mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm không được đóng đủ như kế hoạch.
- ✓ Tài liệu minh họa này chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là Hợp đồng Bảo hiểm hay Đề nghị giao kết Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tài liệu minh họa sẽ không có giá trị nếu không có đủ số trang đã nêu.

\_\_\_\_\_

Bên mua Bảo hiểm

*(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)*

\_\_\_\_\_

Chữ ký

\_\_\_\_\_

Ngày/tháng/năm

Tôi xác nhận chữ ký trên đây được Bên mua Bảo hiểm ghi trong Tài liệu minh họa này ký trước sự chứng kiến của tôi.

\_\_\_\_\_

ĐDKD tư vấn

\_\_\_\_\_

Mã số ĐDKD

\_\_\_\_\_

Chữ ký

\_\_\_\_\_

Ngày/tháng/năm

(\*) GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

- **Phí BH cơ bản** Phí bảo hiểm tối thiểu mà BMBH phải đóng trong năm (5) Năm hợp đồng đầu tiên.
- **Phí BH dự kiến đóng theo kỳ** Khoản phí mà BMBH dự kiến đóng theo kỳ phí xác định cho mỗi Năm hợp đồng.
- **Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung** 100% Số tiền đóng vào HDBH sẽ vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) và nhập vào Quỹ liên kết chung để đầu tư.
- **Khoản Khấu trừ hàng tháng** Khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHD (bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng).  
*Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của NDBH khi tham gia (các) Quyền lợi Bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng là khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực hợp đồng. Phí quản lý hợp đồng bao gồm 2 phần: (i) Phí cố định là 27.000 đồng/tháng trong năm 2016 và sẽ tự động điều chỉnh tăng hàng năm với mức tăng 2.000 đồng/tháng so với mức phí cố định của năm liền trước. Việc điều chỉnh tăng sẽ chấm dứt khi phí cố định là 100.000 đồng/tháng; (ii) Phí tính trên GTTKHD (chỉ áp dụng trong 20 Năm hợp đồng đầu tiên) được xác định bằng 0,1% GTTKHD vào Ngày Khấu trừ hàng tháng.*

- **Phí quản lý quỹ** Khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung, được khấu trừ từ tỷ suất lợi nhuận đầu tư dự kiến của Quỹ Liên kết chung trước khi công bố lãi suất áp dụng cho GTTKHD. Phí quản lý quỹ hiện tại là 2% /năm và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận nhưng không quá 2,5% /năm.
- **Giá trị Hoàn lại** Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm. Giá trị Hoàn lại được xác định là GTTKHD trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng, các Khoản tạm ứng và Khoản giảm thu nhập đầu tư (nếu có).

- **Phí chấm dứt hợp đồng** Được tính bằng tỷ lệ phần trăm của GTTKHD tại thời điểm yêu cầu chấm dứt và được quy định như sau:

Năm Hợp đồng	1 - 5	6	7	8	9	10	11+
% GTTKHD	100%	80%	60%	40%	20%	10%	3,5%

- **Phí chấm dứt QLBH Gia tăng** Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt QLBH Gia tăng, được tính bằng Tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản của QLBH Gia tăng tại thời điểm yêu cầu chấm dứt và được quy định như sau:

Năm Hợp đồng	1 - 5	6	7	8	9	10	11+
% Phí BH cơ bản của QLBH Gia tăng	100%	80%	60%	40%	20%	10%	3,5%

## GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

### ❖ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA NĐBH 1

**Quyền lợi tử vong:** khi HĐBH có *QLBH CƠ BẢN, QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 tử vong do tự nhiên hoặc tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận Mệnh giá BH của QLBH CƠ BẢN cộng với GTTKHĐ nếu QLBH Cơ bản chưa được chuyển đổi.
- Trường hợp NĐBH 1 tử vong do tai nạn và có tham gia *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG* thì bên cạnh QLBH Cơ bản, Người thụ hưởng còn nhận thêm *100% Mệnh giá* BH của QLBH Gia tăng tham gia. Nếu NĐBH 1 tử vong do Tai nạn khi đang sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoặc ở nước ngoài du lịch thì có thể nhận đến tối đa *300% Mệnh giá* BH.

**Quyền lợi thương tật toàn bộ và vĩnh viễn:** khi HĐBH có *QLBH THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VÀ VĨNH VIỄN, QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 bị cắt cụt hoặc mất hoàn toàn và vĩnh viễn chức năng của 2 chi, hoặc 2 mắt, hoặc 1 chi và 1 mắt; hoặc bị thương tật đạt tỷ lệ từ 81% vĩnh viễn trở lên theo quy định do bệnh hoặc tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận Mệnh giá BH của QLBH Thương tật Toàn bộ và Vĩnh viễn (TTTBVVV).
- Trường hợp NĐBH 1 bị cắt cụt hoặc mất hoàn toàn và vĩnh viễn chức năng của 2 chi, hoặc 2 mắt, hoặc 1 chi và 1 mắt do tai nạn và có tham gia *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG* thì bên cạnh QLBH TTTBVVV, Người thụ hưởng còn nhận thêm *100% Mệnh giá* BH của QLBH Gia tăng tham gia.

**Quyền lợi thương tật do Tai nạn:** khi HĐBH có *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 bị mất hoàn toàn chức năng của một bộ phận cơ thể do Tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá BH của QLBH Gia tăng tham gia.

**Quyền lợi chấn thương do Tai nạn:** khi HĐBH có *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 bị chấn thương nội tạng/xương khớp/bông do Tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá BH của QLBH Gia tăng tham gia.

**Quyền lợi mắc bệnh Nan y:** khi HĐBH có *QLBH THEO MỨC ĐỘ CHO BỆNH NAN Y*

- Trường hợp NĐBH 1 bị một trong các nhóm bệnh nan y được bảo hiểm thì tùy theo mức độ (tối đa 3 mức độ) bệnh, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá BH của QLBH Gia tăng tham gia.

**Quyền lợi hỗ trợ nằm viện:** khi HĐBH có *QLBH HỖ TRỢ NÀM VIỆN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 nằm viện điều trị bệnh hoặc tổn thương do tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận (i) tỷ lệ phần trăm Mệnh giá BH của QLBH Gia tăng tham gia cho mỗi ngày nằm viện (\*), và (ii) nhận thêm có thể lên đến *20 lần Mệnh giá* BH của QLBH Gia tăng tham gia nếu NĐBH 1 có Phẫu thuật.  
(\* ) Số tiền Bảo hiểm tối đa chi trả cho mỗi lần nằm viện tại Trung tâm Y tế là *5 lần Mệnh giá* BH của QLBH Gia tăng tham gia.

## GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ - QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

### **1. Quyền lợi khi Hợp đồng Bảo hiểm đáo hạn**

Chubb Life sẽ chi trả GTTKHĐ vào Ngày đáo hạn Hợp đồng Bảo hiểm nếu Hợp đồng Bảo hiểm còn hiệu lực vào Ngày đáo hạn.

### **2. Quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung**

BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHĐ dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố.

### **3. Quyền lợi duy trì hợp đồng**

- Vào Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ mười, 12% giá trị trung bình của GTTKHĐ trong 10 năm trước sẽ được cộng vào GTTKHĐ nếu hợp đồng thỏa điều kiện được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.
- Vào Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ hai mươi, 18% giá trị trung bình của GTTKHĐ trong 10 năm trước sẽ được cộng vào GTTKHĐ nếu hợp đồng thỏa điều kiện được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.

### **4. Quyền tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại**

BMBH có thể yêu cầu tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại sau khi Hợp đồng Bảo hiểm có hiệu lực năm (05) năm và có Giá trị Hoàn lại. Chubb Life sẽ áp dụng Khoản giảm thu nhập đầu tư trên các khoản tạm ứng. Khoản giảm thu nhập đầu tư được xác định bằng tích số của lãi suất tạm ứng, Khoản tạm ứng và thời gian tạm ứng. Lãi suất tạm ứng tối đa bằng lãi suất tính lãi trên GTTKHĐ cộng với 6% hoặc 150% của lãi suất tính lãi trên GTTKHĐ, giá trị nào lớn hơn sẽ được áp dụng.

### **5. Rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng**

BMBH có thể rút tiền mặt từ GTTKHĐ sau khi Hợp đồng Bảo hiểm có hiệu lực mười (10) năm và có Giá trị Hoàn lại. Sau khi BMBH rút một phần GTTKHĐ, Mệnh giá BH của QL BH Cơ bản sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản tiền mặt đã rút nếu QL BH Cơ bản đã được chuyển đổi. BMBH phải chịu khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu rút tiền từ GTTKHĐ, được xác định bằng 3,5% của khoản tiền rút ra và được khấu trừ trực tiếp vào khoản tiền rút ra đó (Phí rút một phần GTTKHĐ).

### **6. Chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm hoặc chấm dứt Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng**

BMBH có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm để nhận Giá trị Hoàn lại; hoặc yêu cầu chấm dứt QL BH Gia tăng.